

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với
Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội¹**

Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội

¹ Tên này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

(sau đây gọi chung là Tập đoàn Viễn thông Quân đội) giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP như sau²:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 65/2011/NĐ-CP.

Điều 2. Quản lý lao động

1. Hàng năm, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội xây dựng kế hoạch lao động, báo cáo Bộ Quốc phòng có ý kiến trước khi thực hiện.

2. Căn cứ kế hoạch lao động đã được Bộ Quốc phòng có ý kiến, Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội thực hiện quản lý:

a) Đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp theo quy định của Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Nghị định số 18/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội nhân dân Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng;

b) Đối với công nhân viên quốc phòng theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng;

c) Đối với lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

² Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013;

Căn cứ Nghị định số 74/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ.”.

điều của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Quý IV hàng năm, Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội có trách nhiệm đánh giá việc thực hiện kế hoạch lao động, nếu số lượng lao động thực tế vượt quá nhu cầu sử dụng dẫn đến người lao động không có việc làm thì phải có kế hoạch sắp xếp việc làm cho người lao động, trường hợp không đáp ứng được yêu cầu công việc thì phải có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại số lao động này. Sau khi đã tìm mọi biện pháp nhưng vẫn không bố trí, sắp xếp được việc làm thì Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội phải có trách nhiệm giải quyết đầy đủ chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Xếp lương và phụ cấp lương³

Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và người lao động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội được xếp lương, phụ cấp lương như sau:

1. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên (sau đây gọi chung là viên chức quản lý), người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực hiện xếp lương, phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang (sau đây gọi là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Công nhân viên quốc phòng, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, thực hiện xếp lương, phụ cấp lương theo thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do Tập đoàn Viễn thông Quân đội xây dựng theo quy định tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương (sau đây gọi là Nghị định số 49/2013/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Điều 4. Xác định đơn giá tiền lương

1.⁴ Đơn giá tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội được giao ổn định trong hai năm 2014 và 2015 là 200 đồng/1.000 đồng tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương.

Việc xác định chỉ tiêu tổng doanh thu, tổng chi phí chưa có tiền lương thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

2. Khi thực hiện đơn giá tiền lương ổn định theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Tập đoàn Viễn thông Quân đội phải bảo đảm đầy đủ các điều kiện sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao;

b) Nộp ngân sách nhà nước theo quy định của luật thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

c)⁵ Mức tăng (theo tỷ lệ %) tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng (theo tỷ lệ %) năng suất lao động bình quân.

Tiền lương bình quân, năng suất lao động bình quân, mức tăng tiền lương bình quân, mức tăng năng suất lao động bình quân được xác định theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Lợi nhuận thực hiện hàng năm phải cao hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề ít nhất 5% (lợi nhuận năm 2011 là gốc, mức lợi nhuận này khi tính toán phải cao hơn lợi nhuận thực hiện năm 2010).

3. Căn cứ đơn giá tiền lương được giao ổn định tại Khoản 1 Điều này, hàng năm, Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội có trách nhiệm xác định cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh về tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương, lợi nhuận, năng suất lao động gắn với đơn giá tiền lương được giao trên cơ sở bảo đảm đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này để làm căn cứ xác định tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện hàng năm.

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

⁵ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Điều 5. Xác định quỹ tiền lương

1. Xác định quỹ tiền lương kế hoạch hàng năm

Quỹ tiền lương kế hoạch hàng năm của Tập đoàn Viễn thông Quân đội để lập kế hoạch chi tiền lương được tính theo công thức:

$$V_{\text{khdg}} = V_{\text{dgdđ}} \times C_{\text{kh}} \quad (1)$$

Trong đó:

- V_{khdg} : Quỹ tiền lương kế hoạch theo đơn giá tiền lương.
- $V_{\text{dgdđ}}$: Đơn giá tiền lương được giao ổn định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.
- C_{kh} : Chỉ tiêu kế hoạch tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương của Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Chỉ tiêu này được xác định theo quy định tại Quy chế tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội do Bộ Tài chính ban hành.

2.⁶ Xác định quỹ tiền lương thực hiện hàng năm

Quỹ tiền lương thực hiện hàng năm được xác định căn cứ vào chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương thực hiện, năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện của Tập đoàn Viễn thông Quân đội như sau:

a) Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được tính theo công thức:

$$V_{\text{thdg}} = V_{\text{dgdđ}} \times C_{\text{th}} \quad (2)$$

Trong đó:

- V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương.
- $V_{\text{dgdđ}}$: Đơn giá tiền lương được giao ổn định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.
- C_{th} : Chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương thực hiện.

b) Điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện theo lợi nhuận và năng suất lao động:

- Trường hợp 1: Khi lợi nhuận thực hiện và năng suất lao động bình quân thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch và năng suất lao động bình quân kế hoạch thì quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được tính theo công thức (2).

⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTĐBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTĐBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

- Trường hợp 2: Khi lợi nhuận thực hiện và năng suất lao động bình quân thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch và năng suất lao động bình quân kế hoạch thì quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được điều chỉnh theo công thức sau:

$$V_{\text{thđgđc}} = V_{\text{thđg}} - V_p - V_w \quad (3)$$

Trong đó:

- + $V_{\text{thđgđc}}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương sau khi điều chỉnh.
- + $V_{\text{thđg}}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).
- + V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận, tính theo một trong hai cách sau:

Cách 1: Điều chỉnh quỹ tiền lương theo mức tuyệt đối, tương ứng với số lợi nhuận giảm, tính theo công thức:

$$V_p = P_{\text{kh}} - P_{\text{th}} \quad (4)$$

Trong đó:

- V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận.
- P_{kh} : Lợi nhuận kế hoạch ứng với đơn giá tiền lương theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.
- P_{th} : Lợi nhuận thực hiện.

Cách 2: Điều chỉnh quỹ tiền lương theo mức tương đối, tính theo công thức:

$$V_p = [(V_{\text{thđg}} - V_{\text{cd}}) \times (1 - \frac{P_{\text{th}}}{P_{\text{kh}}})] \times 0,5 \quad (5)$$

Trong đó:

- V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận.
- $V_{\text{thđg}}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).
- V_{cd} : Quỹ tiền lương chế độ được tính theo công thức:

$$V_{\text{cd}} = V_{\text{cdsq}} + V_{\text{cdld}} \quad (6)$$

Trong đó:

V_{cdsq} : Quỹ tiền lương chế độ của viên chức quản lý và người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp được xác định bằng số viên chức quản lý và người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thực tế sử dụng bình quân nhân với hệ số lương, phụ cấp lương bình quân theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và mức lương cơ sở do Chính phủ quy định.

V_{cdld} : Quỹ tiền lương chế độ của công nhân viên quốc phòng, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được xác định bằng số công nhân viên quốc phòng, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thực tế sử dụng bình quân nhân với tiền lương theo hợp đồng lao động bình quân.

P_{kh} : Lợi nhuận kế hoạch ứng với đơn giá tiền lương theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

P_{th} : Lợi nhuận thực hiện.

+ V_w : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo năng suất lao động (áp dụng đối với trường hợp sau khi điều chỉnh quỹ tiền lương thực hiện theo lợi nhuận theo công thức (4) hoặc công thức (5) mà năng suất lao động bình quân thực hiện thấp hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch) tính theo công thức sau:

$$V_w = (V_{thdg} - V_p) \times \left(1 - \frac{W_{th}}{W_{kh}}\right) \quad (7)$$

Trong đó:

V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).

V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận, tính theo công thức (4) hoặc công thức (5).

W_{th} , W_{kh} : Năng suất lao động bình quân thực hiện và năng suất lao động bình quân kế hoạch được xác định theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp 3: Khi năng suất lao động bình quân thực hiện thấp hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch và lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được điều chỉnh theo công thức:

$$V_{thdgd} = V_{thdg} - V_w \quad (8)$$

Trong đó:

+ V_{thdgd} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương sau khi điều chỉnh.

+ V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).

+ V_w : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo năng suất lao động, tính theo công thức:

$$V_w = V_{thdg} \times \left(1 - \frac{W_{th}}{W_{kh}}\right) \quad (9)$$

Trong đó:

V_{thdg} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).

W_{th} , W_{kh} : Năng suất lao động bình quân thực hiện và năng suất lao động bình quân kế hoạch, được xác định theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp 4: Khi lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch và năng suất lao động bình quân thực hiện bằng hoặc cao hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch thì quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương được điều chỉnh theo công thức sau:

$$V_{\text{thđgdc}} = V_{\text{thđg}} - V_p \quad (10)$$

Trong đó:

- + $V_{\text{thđgdc}}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương sau khi điều chỉnh.
- + $V_{\text{thđg}}$: Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương tính theo công thức (2).
- + V_p : Phần quỹ tiền lương điều chỉnh theo lợi nhuận, tính theo công thức (4) hoặc công thức (5).

Quỹ tiền lương thực hiện sau khi điều chỉnh theo lợi nhuận và năng suất lao động theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này không được thấp hơn quỹ tiền lương chế độ. Trường hợp người lao động có mức tiền lương chế độ (hệ số lương cộng phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP nhân với mức lương cơ sở) thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định thì phần chênh lệch giữa mức tiền lương chế độ với mức lương tối thiểu vùng được tính bổ sung vào quỹ tiền lương thực hiện.

- Trường hợp 5: Khi không có lợi nhuận hoặc lỗ thì quỹ tiền lương thực hiện được xác định bằng quỹ tiền lương chế độ theo công thức (6) điểm b Khoản 2 Điều này.

3. Căn cứ quỹ tiền lương thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều này và quỹ tiền lương đã chi trả cho người lao động, Tập đoàn Viễn thông Quân đội xác định quỹ tiền lương còn lại được hưởng. Trường hợp đã chi vượt quỹ tiền lương thực hiện được hưởng thì Tập đoàn Viễn thông Quân đội phải hoàn trả phần tiền lương đã chi vượt từ quỹ tiền lương thực hiện của năm sau liền kề.

Điều 6. Tiền lương đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên

1. Tiền lương và phụ cấp lương của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên được tính trong đơn giá tiền lương của Tập đoàn Viễn thông Quân đội theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

2. Căn cứ quỹ tiền lương thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này, Tập đoàn Viễn thông Quân đội xác định quỹ tiền lương và thực hiện trả lương hàng tháng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên theo quy chế trả lương của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

Điều 7. Quy chế trả lương

1. Tập đoàn Viễn thông Quân đội có trách nhiệm xây dựng quy chế trả lương đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và người lao động theo quy định điểm d Khoản 2 Điều 4 và Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 65/2011/NĐ-CP.

2. Tập đoàn Viễn thông Quân đội được trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián

đoạn và không được sử dụng vào mục đích khác. Mức dự phòng hàng năm do Tổng Giám đốc quyết định sau khi có ý kiến của Ban Chấp hành công đoàn cùng cấp, nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện.

3. Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện và quy chế trả lương, Tập đoàn Viễn thông Quân đội trả lương theo năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh cho từng đơn vị, bộ phận và cá nhân người lao động.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Tập đoàn Viễn thông Quân đội:

a) Xây dựng định mức lao động, kế hoạch lao động hàng năm, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ viên chức, nhân viên, quy chế nâng ngạch, nâng bậc lương, quy chế trả lương để áp dụng trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội theo quy định;

b) Xác định cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm về tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương, lợi nhuận, năng suất lao động gắn với đơn giá tiền lương được giao theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này và tổng hợp kết quả sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận, lao động, tiền lương thực hiện của năm trước liền kề, báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính để giám sát, kiểm tra;

c)⁷ Triển khai xây dựng, ban hành thang lương, bảng lương và phụ cấp lương theo nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương quy định tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thực hiện để áp dụng trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

d)⁸ Thực hiện tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện thí điểm quản lý tiền lương của Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2015 theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 74/2014/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

⁸ Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

2⁹. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng:

a) Có ý kiến về kế hoạch lao động, thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và quy chế trả lương để Tập đoàn Viễn thông Quân đội thực hiện;

b) Lấy ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thang lương, bảng lương, phụ cấp lương trước khi có ý kiến với Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh đơn giá tiền lương quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này theo đề nghị của Tập đoàn Viễn thông Quân đội khi Nhà nước thay đổi chính sách tiền lương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

d) Chỉ đạo Tập đoàn Viễn thông Quân đội tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện thí điểm quản lý tiền lương giai đoạn 2011 - 2015 trong quý III năm 2015.

3. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Phối hợp với Bộ Quốc phòng xem xét, điều chỉnh đơn giá tiền lương quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này theo đề nghị của Tập đoàn Viễn thông Quân đội; thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội theo quy định tại Nghị định số 65/2011/NĐ-CP và Thông tư này;

b) Hướng dẫn nghiệp vụ để Tập đoàn Viễn thông Quân đội triển khai xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo quy định Khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xử lý hoặc báo cáo Chính phủ xem xét, xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội theo quy định tại Nghị định số 65/2011/NĐ-CP;

d)¹⁰ Tổng kết đánh giá việc thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2015, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2015.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

¹⁰ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Điều 9. Hiệu lực thi hành¹¹

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2.¹² Các quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Tập đoàn Viễn thông Quân đội phản ánh về liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 724/VBHN-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Phạm Minh Huân

¹¹ Điều 3 của Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 quy định như sau:

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

2. Các quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng để được hướng dẫn, bổ sung kịp thời./.

¹² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Phụ lục

Xác định năng suất lao động bình quân, tiền lương bình quân¹³

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng)

I. Xác định năng suất lao động bình quân, mức tăng năng suất lao động bình quân

1. Xác định số lao động

a) Số lao động là số người làm việc trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội, bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên, người lao động là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội;

b) Số lao động kế hoạch được xác định trên cơ sở kế hoạch, chiến lược sản xuất, kinh doanh, tình hình sử dụng lao động năm trước và các vị trí, chức danh công việc, định mức lao động của năm kế hoạch do Tập đoàn Viễn thông Quân đội quyết định;

c) Số lao động thực tế sử dụng bình quân thực hiện của năm trước liền kế hoạch thực hiện trong năm

- Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm được tính theo công thức sau:

$$L_{\text{ttsd}} = \frac{\sum_{i=1}^t l_i}{t} \quad (11)$$

Trong đó:

+ L_{ttsd} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm.

+ l_i : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của tháng thứ i trong năm.

+ i : Số nguyên, dương dùng để chỉ tháng thứ i trong năm, từ 1 đến 12.

+ $\sum_{i=1}^t l_i$: Tổng của số lao động bình quân các tháng trong năm.

+ t : Số tháng trong năm.

¹³ Phụ lục này ban hành kèm theo Thông tư số 31/2014/TTLT-BLĐTBXH-BQP sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TT-BLĐTBXH-BQP ngày 12 tháng 10 năm 2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm quản lý tiền lương đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội giai đoạn 2011 - 2013 theo Nghị định số 65/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2014.

- Số lao động thực tế sử dụng bình quân tháng được tính theo công thức sau:

$$L_{\text{ttsdi}} = \frac{\sum_{j=1}^n X_j}{n} \quad (12)$$

Trong đó:

+ L_{ttsdi} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của tháng thứ i trong năm.

+ X_j : Số lao động của ngày thứ j trong tháng, được tính theo số lao động thực tế làm việc và số lao động nghỉ việc do: ốm, thai sản, con ốm mẹ nghỉ, tai nạn lao động, phép năm, đi học, nghỉ việc riêng có lương theo bảng chấm công của Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

+ $\sum_{j=1}^n X_j$: Tổng của số lao động các ngày trong tháng.

+ n : Số ngày làm việc của tháng (không kể Tập đoàn Viễn thông Quân đội có làm đủ hay không đủ số ngày trong tháng);

- Đối với số lao động bình quân năm là số thập phân thì việc làm tròn số được áp dụng theo nguyên tắc số học, nếu phần thập phân trên 0,5 thì làm tròn thành 1; đối với số lao động bình quân tháng có số thập phân thì được giữ nguyên sau dấu phẩy hai số và không làm tròn số.

2. Xác định năng suất lao động

a) Năng suất lao động bình quân thực hiện của năm trước liền kề, được tính theo công thức:

$$W_{\text{thnt}} = \frac{\Sigma T_{\text{thnt}} - \Sigma C_{\text{thnt}}}{L_{\text{ttsdnt}}} \quad (13)$$

Trong đó:

+ W_{thnt} : năng suất lao động bình quân thực hiện của năm trước liền kề;

+ ΣT_{thnt} : Tổng doanh thu thực hiện năm trước liền kề

+ ΣC_{thnt} : Tổng chi phí chưa có tiền lương thực hiện năm trước liền kề;

+ L_{ttsdnt} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của năm trước liền kề được xác định theo công thức (11).

b) Năng suất lao động bình quân kế hoạch được tính theo công thức:

$$W_{\text{kh}} = \frac{\Sigma T_{\text{kh}} - \Sigma C_{\text{kh}}}{L_{\text{kh}}} \quad (14)$$

Trong đó:

+ W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch;

- + ΣT_{kh} : Tổng doanh thu kế hoạch;
- + ΣC_{kh} : Tổng chi phí chưa có tiền lương kế hoạch;
- + L_{kh} : Số lao động kế hoạch được xác định theo điểm b Khoản 1 Mục I Phụ lục này.

c) Năng suất lao động bình quân thực hiện được tính theo công thức sau:

$$W_{th} = \frac{\Sigma T_{th} - \Sigma C_{th}}{L_{ttsd}} \quad (15)$$

Trong đó:

- + W_{th} : Năng suất lao động bình quân thực hiện;
- + ΣT_{th} : Tổng doanh thu thực hiện;
- + ΣC_{th} : Tổng chi phí chưa có tiền lương thực hiện;
- + L_{ttsd} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân được xác định theo công thức (11).

3. Xác định mức tăng năng suất lao động bình quân

a) Mức tăng năng suất lao động bình quân kế hoạch so với năng suất lao động bình quân thực hiện của năm trước liền kề được tính theo công thức sau:

$$I_{wkh} = \left(\frac{W_{kh}}{W_{thnt}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (16)$$

Trong đó:

- + I_w : Mức tăng năng suất lao động bình quân (%)
- + W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch được xác định theo công thức (14).
- + W_{thnt} : Năng suất lao động bình quân thực hiện của năm trước liền kề xác định theo công thức (13).

b) Mức tăng năng suất lao động bình quân thực hiện so với năng suất lao động bình quân kế hoạch được tính theo công thức sau:

$$I_{wth} = \left(\frac{W_{th}}{W_{kh}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (17)$$

Trong đó:

- + I_{wth} : Mức tăng năng suất lao động bình quân thực hiện (%).
- + W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch xác định theo công thức (14).
- + W_{th} : Năng suất lao động bình quân thực hiện xác định theo công thức (15).

II. Xác định tiền lương bình quân, mức tăng tiền lương bình quân

1. Xác định tiền lương bình quân

a) Tiền lương bình quân thực hiện (theo tháng) của năm trước liền kề được xác định theo công thức sau:

$$TL_{bqthnt} = \frac{V_{thnt}}{L_{ttsdnt} \times 12} \quad (18)$$

Trong đó:

- TL_{bqthnt} : Tiền lương bình quân thực hiện (theo tháng) của năm trước liền kề.
- V_{thnt} : Quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương của năm trước liền kề;
- L_{ttsdnt} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của năm trước liền kề được tính theo công thức (11).
- 12: Số tháng của năm trước liền kề.

b) Tiền lương bình quân kế hoạch (theo tháng) được xác định theo công thức sau:

$$TL_{bqkh} = \frac{V_{kh}}{L_{kh} \times 12} \quad (19)$$

Trong đó:

- TL_{bqkh} : Tiền lương bình quân kế hoạch (theo tháng).
- V_{kh} : Quỹ tiền lương theo đơn giá tiền lương.
- L_{kh} : Số lao động kế hoạch được xác định theo Điểm b Khoản 1 Mục I Phụ lục này.
- 12: Số tháng trong năm.

c) Tiền lương bình quân thực hiện (theo tháng) được xác định theo công thức sau:

$$TL_{bqth} = \frac{V_{th}}{L_{ttsd} \times 12} \quad (20)$$

Trong đó:

- TL_{bqth} : Tiền lương bình quân thực hiện (theo tháng).
- V_{th} : Quỹ tiền lương theo đơn giá tiền lương thực hiện.
- L_{ttsd} : Số lao động thực tế sử dụng bình quân xác định theo công thức (11).
- 12: Số tháng trong năm.

2. Xác định mức tăng tiền lương bình quân

a) Mức tăng tiền lương bình quân kế hoạch so với tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề theo công thức sau:

$$I_{tlkh} = \left(\frac{TL_{bqkh}}{TL_{bqthnt}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (21)$$

Trong đó:

- I_{tlkh} : Mức tăng tiền lương bình quân kế hoạch (%);
- TL_{bqkh} : Tiền lương bình quân kế hoạch xác định theo công thức (19);
- TL_{bqthnt} : Tiền lương bình quân thực hiện xác định theo công thức (18).

b) Mức tăng tiền lương bình quân thực hiện so với tiền lương bình quân kế hoạch được xác định theo công thức sau:

$$I_{tlth} = \left(\frac{TL_{bqth}}{TL_{bqkh}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (22)$$

Trong đó:

- I_{tl} : Mức tăng tiền lương bình quân thực hiện (%);
 - TL_{bqkh} : Tiền lương bình quân kế hoạch xác định theo công thức (19);
 - TL_{bqth} : Tiền lương bình quân thực hiện xác định theo công thức (20)/.
-